TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ** Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST Ngày 18/7/2017 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Giảng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Quách Thị Thiết
2. Bà Phạm Hoàng Dung

- Thư ký phiên toà: Bùi Thị Huyền, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2017 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Viết G, sinh năm 1982 *(Có mặt)*
Nơi ĐKTT: Số nhà Z, Phố LH, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hóa
Nơi ở hiện nay: Số nhà Y, Phố LL, thị trấn NL, huyện NL, T. Thanh Hoá

2. Bị đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1982 *(Có mặt)*
Địa chỉ: Số nhà Z, Phố LH, thị trấn NL, huyện NL, tỉnh Thanh Hoá

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22/02/2017, nguyên đơn là anh Lê Viết G trình bày, giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Hà Thị T kết hôn với nhau ngày 28/11/2005, việc kết hôn là do hai người tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn NL, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, nơi cư trú, sinh sống của chị T khi kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại số nhà Z, Phố LH, thị trấn NL, huyện NL, liền kề với nhà bố mẹ chị T. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, chị T sống quá phụ thuộc vào bố mẹ, không chia sẻ với anh G về công việc cũng như kinh tế, sống thờ ơ, lãnh cảm, không quan tâm đến nhu cầu tình cảm của anh G. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, anh G lại có xích mích với gia đình bố mẹ chị T, nên từ tháng 3/2015, anh G và chị T đã thuê nhà ở tại Phố LL,

thị trấn NL để cách xa bố mẹ chị T. Từ khi vợ chồng thuê nhà ở, chị T rất ít khi sống chung với anh G, mà vẫn thường xuyên về sống với bố mẹ. Theo anh G, thời gian anh và chị T xảy ra mâu thuẫn đã lâu mà không thể hòa giải được; anh G xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh G yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh G và chị T được ly hôn. Về con chung, anh G và chị T có một con chung tên là Lê Viết A, sinh ngày 25/12/2006. Theo anh G, khi vợ chồng chung sống với nhau cũng như khi chị T về sống với bố mẹ hoặc đi học, việc sinh hoạt và học tập của con do anh G chăm sóc, lo liệu. Nay anh G yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, khi được nuôi con, anh G tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom con, anh G không ngăn cấm. Về tài sản, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/5/2017, bị đơn là chị Hà Thị T thừa nhận lời khai của nguyên đơn về việc kết hôn là đúng. Theo chị T, quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ và vợ chồng tự thu xếp được, chưa khi nào vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đến mức phải nhờ gia đình hoặc cơ quan hòa giải. Từ tháng 10/2013, chị T học đại học tại Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên, vợ chồng không có nhiều thời gian gần gũi, quan tâm đến nhau, nhưng anh G vẫn tạo điều kiện cho chị T yên tâm học tập. Nay anh G yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh G và chị T ly hôn với lý do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh G, vì theo chị T, anh G đã không còn tình cảm với mình, có níu kéo thì cuộc sống vợ chồng cũng không bền vững, không có hạnh phúc. Về con chung, giữa anh G và chị T có một con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của con như anh G trình bày là đúng. Nếu chị T và anh G ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chị T tự nguyện không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung; anh G không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom con, chị T không cản trở, ngăn căn cấm. Về tài sản, chị T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã hòa giải nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn yêu cầu, nếu nguyên đơn đồng ý cho bị đơn trực tiếp nuôi con, bị đơn sẽ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con. Nếu nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trực tiếp nuôi con, thì bị đơn không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Việc kiện giữa nguyên đơn là anh Lê Viết G, bị đơn là chị Hà Thị T là việc kiện về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Ngọc Lặc, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng đầy đủ, đúng trình tự; Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo phiên hòa giải cho các đương sự, nhưng chị T không có mặt theo thông báo của Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn anh Lê Viết G và bị đơn chị Hà Thị T là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa hai người đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, anh G và chị T trình bày không thống nhất với nhau, thể hiện giữa hai người có sự khác biệt về nhận thức, về quan điểm và không hợp nhau về tính cách. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, cả anh G và chị T không nhờ gia đình, đoàn thể, cơ quan, chính quyền giúp đỡ, mặt khác anh G lại có xích mích với bố mẹ chị T làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên hòa giải cho chị T, nhưng chị T không có mặt theo thông báo của Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được; tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành hòa giải nhưng không thành. Xét thấy tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử anh Lê Viết G và chị Hà Thị T ly hôn.

[3]. Về con chung: Theo lời khai, tài liệu mà anh G cung cấp và ý kiến của chị T có đủ cơ sở để xác định, cháu Lê Viết A, sinh ngày 25/12/2006 là con chung của anh G và chị T. Khi ly hôn, cả anh G và chị T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của anh G, chị T là chính đáng, song việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, cần xem xét đến điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng của người nuôi, quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên và nguyện vọng của con chưa thành niên đã đủ 7 tuổi trở lên. Xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, thì cả anh G và chị T đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con, nhưng hiện nay cháu Lê Viết A đã trên 7 tuổi và cháu có nguyện vọng được ở với anh G. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh G và nguyện vọng của cháu A, giao cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Viết A là phù hợp, bảo đảm được quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên. Xét sự tự nguyện của anh G về việc không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con thấy, sự tự nguyện của anh G không vi phạm các điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận sự tự nguyện của anh G, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở, ngăn cấm.

[4]. Về tài sản: Anh G và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản, nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh G là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Xử anh Lê Viết G và chị Hà Thị T ly hôn.

Về con chung: Giao anh Lê Viết G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Viết A, sinh ngày 25/12/2006. Chấp nhận sự tự nguyện của anh G, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với anh G. Chị T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về án phí: Anh G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2011/01520 ngày 23/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc. Chấp nhân anh G đã nộp đủ.

Anh Lê Viết G và chị Hà Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- UBND TT.NL;
- Chi cục THADS H. Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Giảng